

Top ,n nh©n d©n
KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG

Céng hợp x· hếi chñ nghĩa viÖt nam
Séc lẾp - Tù do - H¹nh phóc

B¶n ,n sè: 61/2026/DS-ST

Ngay: 06/9/2026.

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Thiện Phán;

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Danh Đức và bà Trần Thị Khanh;

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà
án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng;*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên
toà: bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải
Phòng mở phiên toà xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 141/2026/ST-DS ngày
23/6/2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 65/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 46/2026/DS-QĐHPT ngày 20 tháng 8 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Đào Thị T, sinh năm 1951.

Địa chỉ: thôn PL xã TT, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Bi đơn: bà Vũ Thị N, sinh năm 1954, ông Vũ Hồng Q, sinh năm 1953.
Đều có địa chỉ: thôn PL xã TT, thành phố Hải Phòng. Bà N có mặt. Ông Q vắng
mặt tại phiên toà (không có lý do).

Người làm chứng: anh Vũ Hồng S, sinh năm 1976. Nơi cư trú: thôn PL
xã TT, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà
Đào Thị T trình bày:*** Tôi và bà Vũ Thị N có quen biết nhau nên tôi cho Bà N,
ông Vũ Hồng Q (chồng Bà N) và anh Vũ Hồng S (con Bà N) vay tổng số tiền là
417.600.000 đồng theo các Giấy nhận vay tiền lần 1 ngày 21/01/2022 số tiền là
220.000.000 đồng, lần 2 ngày 03/9/2022 số tiền là 110.000.000 đồng, lần 3 ngày
09/11/2022 số tiền là 20.000.000 đồng, lần 4 ngày 19/12/2022 số tiền là
20.000.000 đồng, lần 5 ngày 19/02/2023 số tiền là 30.000.000 đồng và lần 6

ngày 04/6/2023 số tiền là 17.600.000 đồng. Việc viết giấy vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện ý chí của các bên. Bà N là người viết giấy và ký tên người vay tiền, còn Ông Q và anh S ký xác nhận. Sau khi Bà N nhận tiền của tôi đã lâu, tôi đòi nhiều lần nhưng không trả. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc Bà N, Ông Q và anh S phải trả tôi số tiền 417.600.000 đồng, tôi không yêu cầu trả lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đào Thị T tự nguyện rút yêu cầu trả nợ số tiền 17.600.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng Ông Q và anh S đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập Ông Q và anh S tham gia tố tụng tại Tòa bằng việc niêm yết và qua Bà N. Ông Q, anh S đã biết việc bà T khởi kiện đòi số tiền 417.600.000 đồng nhưng không có ý kiến gì.

Ý kiến của bị đơn bà Vũ Thị N: Do có quan hệ họ hàng và cần vốn kinh doanh, bà thừa nhận có vay tiền của bà T nhiều lần. Nhưng thực tế không phải số tiền 417.600.000 đồng như bà T khởi kiện mà do bà T cộng dồn cả lãi vào. Vì vậy, bà T đòi là việc của bà ấy.

Bà thừa nhận nội dung các Giấy vay tiền đúng là chữ ký, chữ viết của bà, đều do bà trực tiếp viết và ký tên, bà cũng nhận đủ số tiền vay mà bà T đưa tiền mặt. Việc Ông Q và anh S ký cũng chỉ là xác nhận việc bà có vay tiền của bà T chứ không tham gia vào việc vay tiền. Bà xác định chỉ mình bà vay và một mình bà trả nợ bà T nhưng không phải số tiền nhiều như bà T khởi kiện, bà không có tài liệu chứng minh số tiền chính xác là bao nhiêu.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị N, ông Vũ Hồng Q và anh Vũ Hồng S trả bà số tiền 400.000.000 đồng; bà không yêu cầu thanh toán lãi. Nếu được HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì bà yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự đối với số tiền Tòa án tuyên bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của bà T, nhưng không phải số tiền nhiều như bà T khởi kiện, bà đang bán nhà để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà, chấp hành đúng quy định của BLTTDS; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 68, 70, 71, 74 của BLTTDS; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng: Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. -Đình

chỉ yêu cầu của bà Đào Thị T buộc bà Vũ Thị N và ông Vũ Hồng Q, anh Vũ Hồng S trả số tiền 17.600.000 đồng. - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T buộc bà Vũ Thị N phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. Tiền lãi: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn PL xã TT, thành phố Hải Phòng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử xác định anh Vũ Hồng S không phải là bị đơn, chỉ là người làm chứng. Nguyên đơn tự nguyện rút không yêu cầu bị đơn trả 17.600.000 đồng là tự nguyện, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ Ông Q, anh S, niêm yết các văn bản tố tụng ... theo quy định của BLTTDS; tại phiên toà Ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

+ Xét giá trị pháp lý của các Giấy vay tiền giữa bà Đào Thị T và bà Vũ Thị N được lập lần 1 ngày 21/01/2022 số tiền là 220.000.000 đồng, lần 2 ngày 03/9/2022 số tiền là 110.000.000 đồng, lần 3 ngày 09/11/2022 số tiền là 20.000.000 đồng, lần 4 ngày 19/12/2022 số tiền là 20.000.000 đồng, lần 5 ngày 19/02/2023 số tiền là 30.000.000 đồng thì thấy: Các đương sự đều xác nhận ý chí của mình khi giao kết người vay ký tên Vũ Thị N là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận về vay tài sản là tiền và hình thức của Giấy vay bằng văn bản là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên các Giấy vay tiền trên được xác định là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu Bà N, Ông Q và anh S phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà.

Về yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy: cả 05 giấy vay tiền đều do Bà N viết, Bà N vay tiền của bà T và ký tên; có 03 giấy có chữ ký của anh S. Như vậy, Bà N thừa nhận vay tiền bà T để kinh doanh, tạo ra thu nhập lo cho kinh tế gia đình, trong đó có cả Ông Q. Ông Q có biết việc bà vay tiền của bà T. Bà N và Ông Q là vợ chồng hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân nên xác định khoản nợ là nợ chung của Bà N và Ông Q theo Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn anh S chỉ ký với tư cách người làm chứng; bà T không đưa ra được căn cứ

xác định anh S cùng vay nên Hội đồng xét xử xác định anh S là người làm chứng.

Trong giấy vay tiền, các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ, không thỏa thuận về lãi nên thuộc trường hợp: Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Lời khai của nguyên đơn phù hợp Giấy vay tiền với lời khai của bị đơn về việc cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong thì hai bên thiết lập giấy vay tiền. Việc thiết lập giấy vay tiền của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý. Mặc dù bị đơn không thừa nhận đủ số tiền như nguyên đơn yêu cầu, không giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh, nhưng HĐXX căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp như giấy mượn tiền (bản gốc), Văn bản trình bày của nguyên đơn nên có đủ căn cứ để xác định: Việc Bà N, Ông Q vay bà T số tiền 400.000.000 đồng và đến thời điểm này chưa thanh toán cho bà T là có thật. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp; đối với Ông Q đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bà N, Ông Q vay bà T số tiền 400.000.000 đồng, bà T đã yêu cầu trả nhưng Bà N, Ông Q chưa trả là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Trong giấy vay mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi, đến nay nguyên đơn không yêu cầu về lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 275, 280, 357, 463, 464, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 244, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2.]. Đình chỉ yêu cầu của bà Đào Thị T buộc bà Vũ Thị N và ông Vũ Hồng Q trả số tiền 17.600.000 đồng;

[3]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T: Buộc bà Vũ Thị N, ông Vũ Hồng Q, địa chỉ: thôn PL xã TT, thành phố Hải Phòng phải trả bà Đào

Thị T, nơi cư trú: thôn PL xã TT, thành phố Hải Phòng số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4]. Về án phí: Bà Vũ Thị N, ông Vũ Hồng Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T, Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 12 - Hải Phòng;
- Nh÷ng ng-êi tham gia tề
tông;
- L-u hã s-.

**Tm. Hái Ờảng xĐt xö s- thỀm
ThỀm ph,n - Chñ to¹ phi^an toạ**

Nguyễn Thiện Phán